Bài trắc nghiệm Địa lý - Nội lực là lực sinh ra từ bên trong lòng Trái Đất.

Câu 1 **Nội lực là loại lực có nguồn gốc sinh ra từ bên ngoài bề mặt của Trái Đất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 2 **Sự phân huỷ các chất phóng xạ là một trong những nguyên nhân sinh ra nội lực.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 3 **Nguồn năng lượng sinh ra nội lực chủ yếu bắt nguồn từ các phản ứng sâu trong lòng đất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 4 **Thung lũng đứt gãy Đông Phi được hình thành do sự phân huỷ chất phóng xạ tạo ra bức xạ mặt trời.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 5 **Vận động kiến tạo do nội lực sinh ra bao gồm vận động theo phương thẳng đứng và nằm ngang.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 6 **Tác động của nội lực luôn làm cho bề mặt Trái Đất trở nên bằng phẳng hơn.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 7 **Sự xô húc hay tách dãn của mảng kiến tạo do nội lực là động lực chính tạo ra chênh lệch độ cao địa hình.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 8 **Tác động của nội lực lên địa hình bề mặt Trái Đất luôn diễn ra rất nhanh chóng.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 9 **Thạch quyển được tạo thành bởi một số mảng kiến tạo.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 10 **Mảng lục địa là các bộ phận nổi lên cao trên mực nước biển.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 11 **Các mảng kiến tạo có sự dịch chuyển rất nhanh.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 12 **Vỏ Trái đất được hình thành là do ngoại lực.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 13 **Một mẫu đá của vỏ Trái Đất có khối lượng 26 kg, trong đó khoáng vật thạch anh chiếm 40%. Hãy cho biết, khối lượng thạch anh trong mẫu đá là bao nhiêu kg (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).**

Câu 14 **Độ dày trung bình của vỏ lục địa là 35 km, còn vỏ đại dương là 7 km. Hãy cho biết, độ dày trung bình của vỏ lục địa gấp bao nhiêu lần độ dày trung bình của vỏ đại dương?**

Câu 15 **Một con sông bồi tụ trung bình 2 cm phù sa mỗi năm ở vùng cửa sông. Sau 1000 năm, lớp phù sa dày thêm bao nhiêu mét (coi như không có sự bóc mòn)?**

Câu 16 **Khu vực nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?**

A. Xích đạo.

B. Chí tuyến.

C. Ôn đới.

D. Cực.

Câu 17 **Không khí chiếm phần lớn ở tầng nào?**

A. Đối lưu.

B. Bình lưu.

C. Tầng giữa.

D. Tầng nhiệt.

Câu 18 **Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong không khí khí quyển?**

A. Ôxi.

B. Nitơ.

C. Hơi nước.

D. Cacbonic.

Câu 19 **Khí quyển là**

A. lớp không khí bao quanh Trái Đất.

B. lớp vật chất trên bề mặt Trái Đất.

C. lớp vỏ cứng mỏng của Trái Đất.

D. lớp đá và khoáng vật của Trái Đất.

Câu 20 **Không khí khô khi từ đỉnh núi xuống chân núi, trung bình 100 m tăng**

A. 0,6°C.

B. 0,8°C.

C. 1,0°C.

D. 1,2°C.

Câu 21 **Nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ có đặc điểm**

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

Câu 22 **Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của**

A. bức xạ Mặt Trời.

B. lớp vỏ lục địa.

C. lớp Man-ti trên.

D. thạch quyển.

Câu 23 **Biên độ nhiệt độ năm lớn nhất ở**

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. vòng cực.

D. cực.

Câu 24 **Trong tầng đối lưu, trung bình lên cao 100m nhiệt độ không khí giảm**

A. 0,4°C.

B. 0,6°C.

C. 0,8°C.

D. 1°C.

Câu 25 **Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được**

A. bề mặt Trái Đất hấp thụ.

B. phản hồi vào không gian.

C. các tầng khí quyển hấp thụ.

D. phản hồi vào băng tuyết.

Câu 26 **Biên độ nhiệt trong năm theo vĩ độ có đặc điểm**

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

Câu 27 **Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất trong năm đều ở**

A. núi cao.

B. đại dương.

C. lục địa.

D. đồng bằng ven biển.

Câu 28 **Một bản đồ có tỉ lệ 1: 6 000 000, khoảng cách giữa 2 điểm A và B trên bản đồ là 5,5 cm. Vậy khoảng cách thực tế giữa 2 điểm là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)**

Câu 29 **GPS đã ghi nhận một ô tô đi được 90 km trong 1 giờ 30 phút. Hãy cho biết vận tốc trung bình của ô tô là bao nhiêu km/h (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).**

Câu 30 **Trên bản đồ công nghiệp, người ta sử dụng phương pháp ký hiệu với cứ 1 hình vuông biểu thị 10 nhà máy. Một tỉnh trên bản đồ có 8 hình vuông. Hãy cho biết tỉnh đó có bao nhiêu nhà máy công nghiệp?**

Câu 31 **Trên bản đồ giao thông vận tải, người ta sử dụng phương pháp đường chuyển động với độ rộng của mũi tên biểu thị khối lượng hàng hóa. Nhìn trên bản đồ người ta xác định được tuyến A vận chuyển 12 triệu tấn hàng hóa, tuyến B vận chuyển 9 triệu tấn hàng hóa. Hãy cho biết tuyến A vận chuyển nhiều hơn tuyến B bao nhiêu triệu tấn hàng hóa (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).**

Câu 32 **Trên bản đồ khoáng sản, người ta sử dụng phương pháp ký hiệu để thể hiện trữ lượng các mỏ khoáng sản. Mỏ khoáng sản A có trữ lượng là 150 triệu tấn, mỏ B có trữ lượng là 90 triệu tấn. Hãy cho biết mỏ A có trữ lượng gấp bao nhiêu lần mỏ B (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).**

Câu 33 **Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1:200 000 000. Hãy cho biết 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?**

Câu 34 **Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất là**

A. Khoáng vật và đá.

B. Khoáng vật và Macma.

C. Khoáng vật và sắt.

D. Đất và nước.

Câu 35 **Vỏ Trái Đất ở đại dương có độ dày khoảng**

A. 50km.

B. 5km.

C. 70km.

D. 100km.

Câu 36 **Vỏ Trái Đất được phân ra thành hai kiểu chính là**

A. lớp vỏ lục địa và lớp vỏ đại dương.

B. lớp Manti và lớp vỏ đại dương.

C. lớp vỏ lục địa và lớp Manti.

D. thạch quyển và lớp Manti.

Câu 37 **Phát biểu nào sau đây đúng với lớp vỏ Trái Đất?**

A. Vỏ cứng ngoài cùng, ở đại dương dày khoảng 5 km.

B. Độ dày đồng đều, cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau.

C. Trên cùng là đá ba dan, dưới cùng là đá trầm tích.

D. Giới hạn vỏ Trái Đất đồng nhất với thạch quyển.

Câu 38 **Lớp vỏ Trái Đất được cấu tạo chủ yếu bởi loại đá nào?**

A. Đá trầm tích.

B. Đá Granit.

C. Đá bazan.

D. Đá cát kết.

Câu 39 **Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất không phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng**

A. sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất.

B. giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

C. lệch hướng chuyển động của các vật thể.

D. khác nhau giữa các mùa trong một năm.

Câu 40 **Nếu đi từ đông sang tây qua kinh tuyến 180° thì**

A. lùi lại 1 giờ.

B. tăng thêm 1 giờ.

C. lùi lại 1 ngày lịch.

D. tăng thêm 1 ngày lịch.

Câu 41 **Giờ quốc tế được lấy theo giờ của**

A. múi giờ số 0.

B. múi giờ số 1.

C. múi giờ số 23.

D. múi giờ số 7.

Câu 42 **Theo giờ địa phương, các địa phương có cùng một giờ khi nằm trong cùng một**

A. múi giờ.

B. kinh tuyến.

C. vĩ tuyến.

D. khu vực.

Câu 43 **Lãnh thổ Việt Nam chủ yếu nằm trong múi giờ số mấy?**

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 44 **Mùa xuân ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Bắc được tính từ ngày**

A. 21/3.

B. 22/6.

C. 23/9.

D. 22/12.

Câu 45 **Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất mang lại những hệ quả chính nào sau đây?**

A. Các mùa trong năm, giờ trên Trái Đất.

B. Luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất.

C. Giờ trên Trái Đất và ngày đêm dài ngắn khác nhau.

D. Ngày đêm dài ngắn khác nhau, các mùa trong năm.

Câu 46 **Tại hai cực, hiện tượng ngày và đêm diễn ra như thế nào?**

A. Ngày dài, đêm ngắn.

B. Sáu tháng ngày, sáu tháng đêm.

C. Ngày, đêm bằng nhau.

D. Chỉ có ngày địa cực, đêm địa cực.

Câu 47 **Vào mùa xuân ở bán cầu Bắc, xảy ra hiện tượng ngày và đêm như thế nào?**

A. Ngày, đêm bằng nhau.

B. Ngày dài, đêm ngắn dần.

C. Ngày ngắn hơn đêm.

D. Ngày, đêm dài sáu tháng.

Câu 48 **Khu vực nào sau đây trong năm có từ 1 ngày đến 6 tháng luôn là ngày?**

A. Từ Xích đạo đến chí tuyến.

B. Từ chí tuyến đến vòng cực.

C. Từ vòng cực đến cực.

D. Từ cực đến chí tuyến.

Câu 49 **Vỏ Trái Đất là lớp vật chất ở trạng thái rắn chắc nằm ở vị trí ngoài cùng của Trái Đất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 50 **Độ dày của vỏ Trái Đất đồng nhất ở mọi nơi, trung bình đạt khoảng 70 km.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 51 **Vỏ Trái Đất chiếm tỉ lệ thể tích và khối lượng nhỏ so với toàn bộ kích thước của Trái Đất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 52 **Khi khoan thăm dò dầu khí ở thềm lục địa, mũi khoan sẽ phải đi qua lớp vỏ dày hơn rất nhiều so với khoan trên vùng núi cao.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 53 **Toàn bộ vỏ lục địa chỉ phân bố ở trên mực nước biển và nằm hoàn toàn ở các lục địa.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 54 **Sự khác biệt về thành phần và độ dày vỏ Trái Đất tạo nên sự phân hoá địa hình thành lục địa và đại dương.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 55 **Dựa vào sự phân bố và đặc điểm, vỏ Trái Đất được phân chia thành vỏ lục địa và vỏ đại dương.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 56 **Tại vùng ranh giới tách dãn dưới đáy Đại Tây Dương, vật chất mác-ma trào lên sẽ góp phần tạo ra lớp vỏ đại dương mới.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 57 **Giờ trên Trái Đất là hệ quả của sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 58 **Các khu vực trên Trái Đất đều có giờ trùng nhau.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 59 **Chủ yếu lãnh thổ nước ta nằm ở múi giờ số 7.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 60 **Để thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các quốc gia đã sử dụng giờ địa phương.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 61 **Vỏ Trái Đất ở lục địa dày 70 km, ở đại dương dày 5 km. Hãy cho biết chênh lệch độ dày vỏ Trái Đất ở lục địa và đại dương là bao nhiêu km?**

Câu 62 **Khi ở thành phố Mát-xcơ-va (múi giờ số 3) đang là 5 giờ thì cùng lúc đó thành phố Hà Nội (múi giờ số 7) là mấy giờ?**

Câu 63 **Biết Trái Đất được chia thành 24 múi giờ, vậy kinh tuyến 120° Đ thuộc múi giờ số mấy?**

Câu 64 **Vì sao mùa ở hai bán cầu Bắc và Nam trái ngược nhau?**

Câu 65 **Giải thích nguyên nhân hình thành các vành đai động đất và núi lửa.**

Câu 66 **Giải thích vì sao ngày và đêm dài ngắn khác nhau theo mùa và theo vĩ độ.**

Câu 67 **Giải thích nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày và đêm luân phiên trên Trái Đất.**

Câu 68 **Vì sao ở Xích đạo, độ dài ngày và đêm gần như bằng nhau quanh năm?**

Câu 69 **Tại sao cùng chịu tác động của nội lực và ngoại lực nhưng địa hình Trái Đất lại có nhiều dạng khác nhau?**

Câu 70 **Vì sao vành đai Thái Bình Dương có nhiều động đất và núi lửa?**

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

diemdanh.app